TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST
Ngày: 09/02/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Đua**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trịnh Thanh Tùng**
2. Ông **Nguyễn Quốc Vinh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Anh Đô**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 27/2017/TLST - KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc*"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Cẩm T, sinh năm 1986 – Hộ kinh doanh Xuân T (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

- Ông Võ Văn C, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm T, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm U, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T – Hộ kinh doanh Xuân T trình bày:

Vào tháng 9 năm 2013, hộ kinh doanh Xuân T do ông Trịnh Cẩm T làm đại diện có thỏa thuận bằng lời nói với ông Võ Văn C và mẹ của ông C là bà Trần Thị Cẩm L, về việc mua bán thức ăn thủy sản. Theo thỏa thuận, hộ kinh doanh Xuân T giao hàng (thức

ăn nuôi tôm sú) và bên ông C, bà L nhận hàng sau khi kiểm tra. Đối với tôm còn nhỏ ăn thức ăn mã hàng Y110 và Y111 (thức ăn dành cho tôm mới thả) thì thanh toán tiền ngay, các loại thức ăn còn lại cho tôm lớn hơn thì thanh toán gối đầu, cuối vụ phải thanh toán đủ. Thực hiện hợp đồng, hộ kinh doanh Xuân T tiến hành giao hàng như đã thỏa thuận nhưng ông C và bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Do số tiền nợ thức ăn lớn, hộ kinh doanh Xuân T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông C và bà L không thực hiện nên hộ kinh doanh Xuân T không đồng ý bán hàng tiếp nữa.

Đến ngày 26/6/2017, ông Trịnh Cẩm T đã gặp và yêu cầu ông C, bà L thỏa thuận thanh toán nợ, khi đó ông C đã ký giấy nhận nợ và đồng ý thanh toán bao gồm cả số nợ của bà L với tổng số tiền là 1.002.150.000 đồng (một tỷ không trăm lẻ hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) vào tháng 7/2017. Tuy nhiên, ông C, bà L vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa ông Trịnh Cẩm T – Hộ kinh doanh Xuân T yêu cầu bị đơn ông Võ Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên là 1.002.150.000 đồng (trong đó tiền nợ thức ăn của ông C là 579.349.000 đồng, tiền nợ của bà L là 422.801.000 đồng) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông cũng không yêu cầu ông C trả lãi suất đối với khoảng thời gian chậm thanh toán trước đây.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn C trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T như đã nêu trên và thừa nhận còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm của ông Trịnh Cẩm T với số tiền là 1.002.150.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nuôi tôm sú luôn bị thất mùa liên tục nên ông đề nghị phía ông T tạo điều kiện cho ông thanh toán làm nhiều đợt.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Cẩm L trình bày:

Bà thống nhất với số nợ mà bà với con của bà là Võ Văn C còn thiếu ông Trịnh Cẩm T là 1.002.150.000 đồng (trong đó tiền nợ thức ăn của ông C là 579.349.000 đồng, tiền nợ của bà là 422.801.000 đồng). Tuy nhiên, hiện nay con của bà hoàn cảnh kinh tế cũng khó khăn nên bà yêu cầu đối với số nợ của bà còn thiếu ông T thì để bà tự trả và bà cũng xin trả làm nhiều đợt do hiện nay bà cũng đang gặp khó khăn về kinh tế.

Tại phiên tòa, sau khi nghe bà L yêu cầu phần nợ của bà L cũng như của ông C, của ai thì người đó tự trả thì ông T đồng ý nhưng ông T yêu cầu thanh toán dứt điểm sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Theo như đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Việc bán thức ăn nuôi tôm sú cho bà Trần Thị Cẩm L là bán riêng

biệt cho bà L chứ không phải do ông C là con của bà L nhận thay, tại phiên tòa bà L cũng thừa nhận đúng như lời phía nguyên đơn trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà L trong vụ án này là bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân có đăng ký kinh doanh với cá nhân và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, các bị đơn đều có địa chỉ tại khóm T và khóm U, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán tiền mua thức ăn nuôi tôm sú còn thiếu nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" là đúng với quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là: Yêu cầu cả ông C và bà L thanh toán số tiền 1.002.150.000 đồng (trong đó số tiền ông C phải thanh toán là 579.349.000 đồng, số tiền bà L phải thanh toán là 422.801.000 đồng). Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là trên cơ sở yêu cầu của bà Ly, tại phiên tòa các đương sự đều đồng ý và xét thấy việc thay đổi này cũng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự, chấp nhận sự thay đổi trên của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T – hộ kinh doanh Xuân T về việc yêu cầu: Buộc ông Võ Văn C và bà Trần Thị Cẩm L thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi tôm sú còn thiếu là 1.002.150.000 đồng (trong đó số tiền ông C phải thanh toán là 579.349.000 đồng, số tiền bà L phải thanh toán là 422.801.000 đồng) mua vào năm 2013 và có đối chiếu công nợ vào ngày 26/6/2017, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào tháng 9 năm 2013, ông Võ Văn C và bà Trần Thị Cẩm L (bà L là mẹ của ông C) có mua thức ăn nuôi tôm sú của ông Trịnh Cẩm T – Hộ kinh doanh Xuân T với tổng số tiền còn thiếu lại là 1.002.150.000 đồng (trong đó số tiền ông C phải thanh toán là 579.349.000 đồng, số tiền bà L phải thanh toán là 422.801.000 đồng). Việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm sú giữa ông T với ông Ch và bà L được thể hiện bằng: "Giấy xác nhận công nợ" (bút lục số 06); Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông C, bà L đã thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của ông T với tổng số tiền là 1.002.150.000 đồng. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự được xem là tình tiết, sự kiện có thật, nguyên đơn ôngT không cần phải chứng minh.

Từ những nhận định nêu trên cho thấy: Bị đơn ông Võ Văn C và bà Trần Thị Cẩm L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T theo quy định tại các Điều 283, 285, 286, 290 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 24, 50 và 55 của Luật thương mại 2005. Do đó, việc nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn

ông C và bà L thanh toán số tiền là **1.002.150.000 đồng** (trong đó số tiền ông C phải thanh toán là 579.349.000 đồng, số tiền bà L phải thanh toán là 422.801.000 đồng) là có cơ sở chấp nhận và cần buộc bị đơn ông C và bà L phải thanh toán nợ cho ông Trịnh Cẩm T với tổng số tiền là 1.002.150.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 147, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 275, 278, 280 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các Điều 24, 50 và 55 của Luật thương mại năm 2005;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Hộ kinh doanh Xuân T đối với bị đơn ông Võ Văn C và bà Trần Thị Cẩm L.

- Buộc bị đơn ông Võ Văn C có trách nhiệm thanh toán cho ông Trịnh Cẩm T - Hộ kinh doanh Xuân T số tiền là **579.349.000** đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Cẩm L có trách nhiệm thanh toán cho ông Trịnh Cẩm T - Hộ kinh doanh Xuân T số tiền là **422.801.000** đồng (Bốn trăm hai mươi hai triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trịnh Cẩm T – Hộ kinh doanh Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Võ Văn C, bà Trần Thị Cẩm L còn phải trả lãi cho ông Trịnh Cẩm T theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bị đơn ông Võ Văn C phải chịu là 27.173.960 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

- Bị đơn bà Trần Thị Cẩm L phải chịu 20.912.040 đồng đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông đã nộp 21.033.000 đồng (hai mươi một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009703 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Các khoản tiền án phí nêu trên các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Đua